

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-ST

Ngày 13-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nghĩa

Ông Lê Đăng Tương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **VŨ VĂN T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm 198x tại: A L – Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A L, Thành phố Hải Phòng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Họ tên cha: Vũ Văn Q (Đã chết)

Họ tên mẹ: Bùi Thị Nh Sinh năm 195x;

Hiện đang sinh sống tại: thôn N, xã T, huyện A L, Thành phố Hải Phòng.

Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là người con thứ hai.

Bị cáo có 01 người con sinh năm 200x;

Bị cáo Vũ Văn T bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 6 năm 2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **A Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh năm 199x tại: Kon Tum.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: ...; Tôn giáo:

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, TP. K, tỉnh Kon Tum.

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 01/09/2011, A Đ bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử về tội: “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 133 BLHS năm 1999 và bị xử phạt 7 năm tù. A Đ đi chấp hành án tại Trại giam Gia Trung đến ngày 01/10/2014 thì chấp hành xong hình phạt tù và không phải chấp hành thêm hình phạt bổ sung nào. Tuy nhiên theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 70 BLHS năm 2015 thì từ ngày 01/10/2014 đến ngày 01/10/2017, bị cáo A Đ không phạm tội mới nên thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Họ tên cha: A Kh, (Đã chết)

Họ tên mẹ: Y Đ, Sinh năm 196x;

Hiện đang sinh sống và làm nông tại thôn K, xã Q, TP. K, tỉnh Kon Tum.

Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là người con thứ ba.

Bị cáo hiện đang sống chung như vợ chồng với Y Th (SN: 199x; *Trú tại: Thôn K, xã Q, TP. K, tỉnh Kon Tum*) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 201x, nhỏ nhất sinh năm 201x;

Bị cáo A Đ bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 06 năm 2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+ Anh Trần Đình Tr, sinh năm: 198x vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Chị Phạm Thị Thu H; *Có mặt.*

Cùng trú tại: Thôn 07, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

- Những người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị Tố U, sinh năm: 198x ; *Có mặt.*

+ Chị Ngô Thị T, sinh năm: 197x ; *Có mặt.*

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 199x; *Có mặt.*

Cùng trú tại: Thôn 07, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 05/6/2019, Vũ Văn T (SN: 27/07/198x) điều khiển xe mô tô BKS 16M6 – 30... chở A Đ (SN 24/10/199x) đi từ thành phố Kon Tum lên địa bàn huyện Kon Rẫy để nhặt đá phong thủy. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T và Đ đến ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 24 cũ và Quốc lộ 24 mới thuộc địa phận thôn 7, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy thì Đ nói T dừng xe lại. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi vào bãi đất trống phía bên trái (*theo hướng Kon Tum đi Kon Rẫy*), cách Quốc lộ 24 khoảng 15m, rồi dừng xe lại và dựng xe mô tô tại đây. T ở lại vị trí dựng xe mô tô, còn Đ đi bộ theo bãi đất trống đến khu vực nhà người dân cách đó khoảng 400m. Khi đến phía sau nhà anh Trần Đình Tr, A Đ

phát hiện cửa bếp không khóa, chỉ buộc bằng dây nhựa màu vàng và không có người ở nhà. A Đ nhìn qua lỗ thông gió vào trong nhà thì thấy có 01 cái tủ lạnh. Sau đó, A Đ quay lại chỗ T và nói với T “*Có đi lấy nước uống không?*”, T đồng ý và đi cùng Đ. Khi T và Đ đi đến cửa nhà bếp nhà anh Trưởng thì Đ nhìn thấy 01 cây kéo đang để ở lỗ thông gió. A Đ đến lấy cây kéo này và T dùng tay kéo cánh cửa bếp ra để Đ cắt dây nhựa buộc cửa, rồi Đ cùng T đi vào trong nhà anh Trưởng. Lúc này, T đi đến tủ lạnh ở phòng khách và lấy 02 chai nước ngọt. T uống 01 chai và đưa Đ uống 01 chai. Sau khi uống nước xong, Đ nhìn thấy 01 máy bơm nước màu trắng, phía ngoài có bảm bùn đất đang để gần cửa ra vào phòng ngủ và bếp. Đ nói với T: “*Có lấy mô tô bơm nước kia không?*” và chỉ máy bơm nước cho T thấy nhưng T không nói gì. T nhìn thấy 01 bao tải trắng đựng quần áo cũ ở gần máy bơm nước nên đi đến đổ hết quần áo ra nền nhà. Khi đổ quần áo cũ trong bao tải ra thì T nhìn thấy có 01 con dao nhọn để dưới chân giường ngủ nên đã lấy con dao này và cắt dây điện của máy bơm, rồi bỏ máy bơm vào trong bao tải. Lúc này, A Đ đi lục tủ quần áo trong phòng ngủ nhà anh Trưởng để tìm kiếm tài sản nhưng không có tài sản nào có giá trị. Sau đó, Đ đi lên phòng khách nhà anh Trưởng thì Đ nhìn thấy có 01 ti vi để ở đường luồng thông giữa phòng khách với phòng ngủ và đang được tủ lại bằng 01 áo mưa màu xanh nên chỉ cho T. T hỏi A Đ “*Cái gì vậy?*”, Đ trả lời : “*Tivi*”. Đ nói T lấy mảnh vải màu xanh trắng ở giường ngủ phủ lên trên ti vi, rồi T bê ti vi ra ngoài vườn, còn A Đ vác bao tải màu trắng chứa máy bơm nước đi theo sau. Ra đến vườn, T vác tivi và A Đ vác bao tải chứa máy bơm nước đi ra chỗ để xe mô tô. Lúc này, chị Nguyễn Thị Tố U đi từ nhà mình qua nhà chị Ngô Thị T để đổi tiền lẻ thì phát hiện thấy T và Đ đang đi ra từ vườn nhà anh Trưởng, một người vác 01 bao tải màu trắng, một người vác 01 đồ vật bên ngoài phủ tấm vải màu xanh. Chị U đến nói lại sự việc cho chị T biết thì chị T nói: “*Đi theo xem thế nào*”. Sau đó, chị Uyên tiếp tục đi theo sau T và Đ đến vị trí mà T dựng xe mô tô. Khi thấy T và Đ để bao tải và đồ vật trên bên cạnh xe mô tô thì chị U đi ngang qua chỗ T và Đ. Khi chị U đi ra đến Quốc lộ 24 thì gặp Công an xã Đắk Tô Re và Công an huyện Kon Rẫy đang đi tuần tra nên chị U đã trình báo lại sự việc trên. Sau đó, Tổ tuần tra của Công an huyện và Công an xã tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt giữ Vũ Văn T cùng với chiếc ti vi và máy bơm nước nói trên, còn A Đ bỏ chạy về nhà. Đến ngày 06/06/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã triệu tập A Đ đến làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐĐG ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Kon Rẫy kết luận: Chiếc ti vi nhãn hiệu LG trên có giá xác định vào ngày 05/06/2019 là 4.000.000 đồng và máy bơm nước nhãn hiệu DAPHOVINA nêu trên có giá trị xác định vào ngày 05/06/2019 là 800.000 đồng. Tổng giá trị xác định là: 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy tạm giữ những đồ vật, tài liệu, vật chứng sau:

- 01 tivi mà hình phẳng, hiệu LG43LH570T, màu đen; 01 máy bơm nước hiệu DAPHOVINA màu trắng; 01 xe mô tô BKS 16M6 – 3005, màu sơn đen xám, nhãn hiệu Honda WaveS100; 01 bao tải màu trắng kích thước 83cmx52 cm; 01 tấm vải có hoa văn màu xanh trắng, kích thước 2m40x1,66 m; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn T, số 031083001...; 01 con dao bằng kim loại; 01 cây kéo bằng kim loại; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0088..., mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 16M6 – 30...

Sau khi điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 29/07/2019, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Đình Tr chiếc tivi và máy bơm nước nói trên.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSNDHKR ngày 19/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy đã quyết định truy tố các bị cáo Vũ Văn T và A Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy để xét xử sơ thẩm về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuyên bị cáo Vũ Văn T và A Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù và đề nghị xử phạt bị cáo A Đ từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại anh Trần Đình Tr và chị Phạm Thị Thu H đã nhận lại được tài sản chiếc ti vi và máy bơm nước nêu trên do các bị cáo trộm cắp và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về xử lý đồ vật, tài liệu, vật chứng vụ án bị thu giữ:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

01 xe mô tô BKS 16M6 – 3005, màu sơn đen xám, nhãn hiệu Honda WaveS100; kèm theo 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0088..., mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 16M6 – 30...

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho gia đình bị hại:

01 bao tải màu trắng kích thước 83cmx52 cm; 01 tấm vải có hoa văn màu xanh trắng, kích thước 2m40x1,66 m; 01 con dao có lưỡi kim loại; 01 cây kéo bằng kim loại.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;

Chuyển giao cơ quan thi hành án phạt tù tạm giữ 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn T, số 031083001... trong thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù. Bị cáo T nhận lại Chứng minh nhân dân khi chấp hành xong án phạt tù.

Người bị hại chị Phạm Thị Thu H: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: xử phạt các bị cáo nghiêm minh.

Về trách nhiệm dân sự : Không yêu cầu gì thêm.

Trong phần tranh luận các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận đối đáp gì. Những người bị hại đồng ý với luật tội của kiểm sát viên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Rẫy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T và bị cáo A Đ khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 13 giờ, ngày 05/6/2019, tại nhà anh Trần Đình Tr (ở Thôn 07, xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum), lợi dụng sự sơ hở, không có người trông coi các bị cáo Vũ Văn T và A Đ đã lén lút chiếm đoạt 01 tivi mà hình phẳng, hiệu LG43LH570T, màu đen trị giá 4.000.000 đồng và 01 máy bơm nước hiệu DAPHOVINA màu trắng trị giá 800.000 đồng của gia đình anh Trần Đình Tr. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại xác định là: 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

Do vậy, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Vũ Văn T và A Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi, hậu quả của mình gây ra nhưng đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người

khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn. Do vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật tương xứng tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra để trừng trị, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm để quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo Vũ Văn T chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên vào ngày 01 tháng 04 năm 2019, Vũ Văn T có hành vi dùng hung khí dao đập vỡ kính xe ô tô của 01 người đàn ông, do người này lùi xe vào nhà của T tại thôn N, xã Tn, huyện A L, Tp. Hải Phòng và làm ngã xe mô tô của T. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT – Công an huyện An Lão, Tp. Hải Phòng đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và quyết định truy nã bị can đối với Vũ Văn T về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A Đ có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt tù về tội cướp tài sản tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà còn trộm cắp tài sản nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp dưới hình thức đồng phạm giản đơn – đều là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm hình sự cùng nhau với vai trò là người thực hành. Tuy nhiên bị cáo A Đ là người khởi xướng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 29/07/2019 trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Đình Tr và chị Phạm Thị Thu H 01 Ti vi và 01 máy bơm nước nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô BKS 16M6 – 3005, màu sơn đen xám, nhãn hiệu Honda WaveS100; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0088..., mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 16M6 – 30... Chiếc xe này chị Nguyễn Thị H bán vào năm 2015 cho một người đàn ông (không nhớ họ tên địa chỉ); bị cáo T đã mua lại của một tiệm bán xe máy cũ ở Tp. Hải Phòng năm 2016 nhưng chưa làm

thủ tục sang tên. Đây là chiếc xe các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 bao tải màu; 01 tấm vải có hoa văn màu xanh trắng, kích thước 2m40x1,66 m; 01 con dao có lưỡi kim loại; 01 cây kéo bằng kim loại, là tài sản của gia đình anh Tr, chị H. Tại phiên tòa chị H yêu cầu nhận lại số tài sản trên nên được chấp nhận.

Đối với 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn T, số 031083001... lẽ ra phải tạm giữ tại cơ quan thi hành lệnh tạm giam nhưng hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân nên chuyển giao cho cơ quan thi hành án phạt tù tạm giữ trong thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù.

[6] **Về án phí:** Các bị cáo Vũ Văn T và A Đ phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, A Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo A Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 6 năm 2019 .

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

01 xe mô tô BKS 16M6 – 30..., màu sơn đen xám, nhãn hiệu Honda WaveS100; kèm theo 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0088..., mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 16M6 – 30....

Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại (anh Trần Đình Tr chị Phạm Thị Thu H):

01 bao tải màu trắng kích thước 83cmx52 cm; 01 tấm vải có hoa văn màu xanh trắng, kích thước 2m40x1,66 m; 01 con dao có lưỡi kim loại; 01 cây kéo bằng kim loại (*có đặc mô tả như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Kon Rẫy và Chi cục THADS huyện Kon Rẫy*).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;

Chuyển giao cơ quan thi hành án phạt tù tạm giữ 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn T, số 031083001... trong thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù. Bị cáo T nhận lại Chứng minh nhân dân khi chấp hành xong án phạt tù.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo A Đ phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- CQCSĐT Công an huyện Kon Rẫy;
- CQTHAHS Công an huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Xong